

Evaluation of general fitness level of male students of Course 43 majoring in pedagogy and engineering after one semester at Quy Nhon University

Truong Quoc Duy*, Thai Binh Thuan

Department of Physical Education, Quy Nhon University, Vietnam

Received: 02/07/2021; Accepted: 12/10/2021

ABSTRACT

Employing scientific research methods in physical training science, the article evaluates and compares the general fitness level of male students of Course 43 majoring in pedagogy and engineering, thereby assessing the development of general fitness level of the two groups of participants after one semester. The results indicate significant increase in the general fitness levels of the two groups under survey, which meets the standard of the Ministry of Education and Training as proposed in Decision 53.

Keywords: *Fitness level, assessment, comparison, student, Quy Nhon University.*

**Corresponding author:*

Email: truongquocduy86@gmail.com

Đánh giá trình độ thể lực chung của nam sinh viên khóa 43 khối ngành sư phạm và khối ngành kỹ thuật sau một kỳ học tại Trường Đại học Quy Nhơn

Trương Quốc Duy*, Thái Bình Thuận

Khoa Giáo dục thể chất, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 02/07/2021; Ngày nhận đăng: 12/10/2021

TÓM TẮT

Qua sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao (TDTT), tác giả đã đánh giá và so sánh trình độ thể lực chung của nam sinh viên khóa 43 khối ngành sư phạm và kỹ thuật, tính được sự phát triển thể lực chung của 2 nhóm khách thể nghiên cứu sau một kỳ học. Từ kết quả kiểm tra, tác giả kết luận sau một kỳ học, thể lực chung của sinh viên 2 khối ngành đều có sự phát triển đáng kể. Thể lực chung của nam sinh viên khóa 43 khối ngành kỹ thuật tốt hơn khối ngành sư phạm. Đối chiếu với bảng đánh giá thể lực của sinh viên theo Quyết định 53 của Bộ GD&ĐT thì thể lực của nam sinh viên 2 khối ngành đều đạt theo tiêu chuẩn.

Từ khóa: Trình độ thể lực, đánh giá, so sánh, sinh viên, Trường Đại học Quy Nhơn.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học Quy Nhơn (ĐHQN) với truyền thống hơn 40 năm xây dựng và phát triển, là cơ sở giáo dục đào tạo đa ngành nghề, đa lĩnh vực tại khu vực Nam trung bộ và Tây nguyên, có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội trong khu vực cũng như cả nước.¹ Mục tiêu là đào tạo nguồn lao động trí thức vững về chuyên môn, có sức khỏe và nhân cách đạo đức tốt. Việc rèn luyện sức khỏe cho sinh viên (SV) được Nhà trường xây dựng với 3 học phần giáo dục thể chất (GDTC). Với mong muốn xây dựng chương trình GDTC phù hợp với từng đối tượng, chúng tôi tiến hành “Nghiên cứu trình độ thể lực chung của nam sinh viên khóa 43 khối ngành sư phạm và khối ngành kỹ thuật sau một kỳ học”. Kết quả nghiên cứu được, chúng tôi có thể điều chỉnh đề cương,

nội dung các học phần GDTC không chuyên cho phù hợp từng ngành học.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp đọc và nghiên cứu tài liệu; phương pháp quan sát sư phạm; phương pháp kiểm tra sư phạm;² phương pháp phỏng vấn trực tiếp; phương pháp toán đo lường và thống kê.³

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Công tác giáo dục thể chất đối với sinh viên khối không chuyên tại trường ĐHQN

3.1.1. Hiện trạng đội ngũ giảng viên giảng dạy GDTC tại Trường Đại học Quy Nhơn.

Khoa Thể Dục Thể Thao được thành lập ngày 25/7/2005, trên cơ sở sáp nhập hai Bộ môn: Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng, ngày 15

*Tác giả liên hệ chính.

Email: truongquocduy86@gmail.com

tháng 1 năm 2010 đổi tên thành khoa Giáo dục Thể chất - Quốc phòng (GDTC-QP) với nhiệm vụ đào tạo sinh viên chuyên ngành GDTC và giảng dạy các học phần GDTC cho sinh viên trong toàn trường. Từ những ngày đầu sơ khai với lực lượng mỏng và trình độ chuyên môn còn hạn chế. Đến nay, sau hơn 15 năm xây dựng và phát triển, Khoa GDTC-QP ngày càng lớn mạnh cả về số lượng và trình độ chuyên môn. Hiện nay khoa GDTC-QP có 24 cán bộ viên chức, trong đó đội ngũ giảng viên dạy GDTC gồm 01 PGS, 04 TS, 02 NCS, và 10 ThS. Với đội ngũ cán bộ viên chức có trình độ cao, Khoa GDTC-QP đã thực hiện tốt các nhiệm vụ như: Xây dựng chương trình giảng dạy chuyên ngành cho sinh viên chính quy và liên thông, thực hiện kế hoạch giảng dạy, quản lý đào tạo. Hầu hết các giảng viên đã tiến hành biên soạn và thẩm định giáo trình, tài liệu giảng dạy, tập bài giảng và đề cương chi tiết môn học cho sinh viên chuyên ngành và sinh viên khối không chuyên. Đặc biệt ngoài công tác giảng dạy, các giảng viên còn thường xuyên tham gia nghiên cứu khoa học, nhiều đề tài nghiên cứu có chất lượng ở nhiều cấp độ khác nhau, đặc biệt là những đề tài liên quan đến sự phát triển thể lực cho sinh viên trong toàn trường.⁴ Hiện trạng đội ngũ giảng viên giảng dạy GDTC tại trường ĐHQN được đánh giá là có nhiều kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao.

3.1.2. Thực trạng sân bãi dụng cụ phục vụ giảng dạy môn GDTC và hoạt động TDTT tại Trường Đại học Quy Nhơn.

Sử dụng phương pháp quan sát sự phạm và phỏng vấn trực tiếp các giảng viên giảng dạy GDTC tại trường, chúng tôi thấy rằng: sân bãi phục vụ cho giảng dạy GDTC tại Trường Đại học Quy Nhơn đa dạng, phần lớn có chất lượng từ trung bình trở lên. Tuy nhiên, theo các giảng viên GDTC, sân bãi chưa phục vụ hiệu quả trong giảng dạy do đa số được bố trí ngoài trời, các lớp học môn GDTC rơi vào tiết 3 -5 và 6-7 không thể sử dụng được

do ảnh hưởng của yếu tố thời tiết. Vì vậy, cần phải có biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng sân bãi cho giảng dạy GDTC.

Về dụng cụ phục vụ các môn thể thao tự chọn được đánh giá đảm bảo cả về chất lượng lẫn số lượng, đáp ứng yêu cầu của buổi học.

Bảng 1. Thực trạng sân bãi phục vụ giảng dạy môn GDTC trường Đại học Quy Nhơn

TT	Sân bãi	Số lượng	Chất lượng			Hiệu quả sử dụng	
			Tốt	TB	Kém	Tốt	Không tốt
1	Nhà tập luyện	1	1			1	
2	Sân bóng đá	2	1		1		2
3	Sân bóng chuyền	5	2	3		1	4
4	Sân bóng rổ	2	1	1		1	1
5	Sân cầu lông	8	7	1		7	1
6	Sân tập võ	3	3			2	1

3.1.3. Chương trình GDTC của sinh viên khóa 43 Trường Đại học Quy Nhơn.⁵

Căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT, việc xây dựng chương trình môn học GDTC còn dựa trên cơ sở về nhu cầu tập luyện và điều kiện sân bãi dụng cụ của nhà trường; Lĩnh vực chuyên môn sâu của các giảng viên tại khoa GDTC-QP, chương trình GDTC của sinh viên khóa 43 Trường ĐHQN xây dựng trên cơ sở 5 môn thể thao tự chọn: Cầu lông, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ và Võ thuật. Tổng thời lượng các học phần GDTC đào tạo theo tín chỉ gồm 90 tiết, trong đó có 12 tiết lý thuyết, 78 tiết thực hành. Được chia thành 3 học phần học tập trong 3 học kỳ đầu của khóa học.

Bảng 2. Chương trình giáo dục thể chất sinh viên khóa 43 Trường Đại học Quy Nhơn

Sinh viên chọn 01 trong 07 nhóm		Học kỳ	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
Nhóm 1	Bóng đá 1	1	1	4	26
	Bóng đá 2	2	1	4	26
	Bóng đá 3	3	1	4	26
Nhóm 2	Bóng chuyền 1	1	1	4	26
	Bóng chuyền 2	2	1	4	26
	Bóng chuyền 3	3	1	4	26
Nhóm 3	Bóng rổ 1	1	1	4	26
	Bóng rổ 2	2	1	4	26
	Bóng rổ 3	3	1	4	26
Nhóm 4	Cầu lông 1	1	1	4	26
	Cầu lông 2	2	1	4	26
	Cầu lông 3	3	1	4	26
Nhóm 5	Võ cổ truyền VN1	1	1	4	26
	Võ cổ truyền VN2	2	1	4	26
	Võ cổ truyền VN3	3	1	4	26
Nhóm 6	Võ Taekwondo 1	1	1	4	26
	Võ Taekwondo 2	2	1	4	26
	Võ Taekwondo 3	3	1	4	26
Nhóm 7	Võ Karatedo 1	1	1	4	26
	Võ Karatedo 2	2	1	4	26
	Võ Karatedo 3	3	1	4	26

3.2. Thực trạng về trình độ thể lực của nam SV khóa 43 khối ngành sư phạm và khối ngành kỹ thuật

Đề tài căn cứ theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDDT, ngày 18/9/2008 của Bộ GD&ĐT.⁶

Bảng 4. Thực trạng trình độ thể lực chung của nam sinh viên khóa 43 khối ngành sư phạm và khối ngành kỹ thuật

STT	Test	SV khối sư phạm (n=73)			SV khối kỹ thuật (n=76)			$t_{tính}$	$t_{bảng}$	p
		$\bar{x}$	σ	c_v	$\bar{x}$	σ	c_v			
1	Chạy 30m (s)	5.26	0.45	8.55	5.19	0.48	9.31	0.868	1.960	0.05
2	Bật xa tại chỗ (cm)	215	13	6.03	220	11	5.17	2.428	2.326	0.02
3	Nằm ngửa gập bụng 30s (lần)	20.51	1.97	9.62	21.68	2.11	9.73	3.519	3.291	0.001
4	Chạy 5 phút tùy sức (m)	905.3	80.1	8.85	937.1	73.2	7.81	2.523	2.326	0.02
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	11.27	0.69	6.17	11.03	0.80	7.29	1.988	1.960	0.05

để đánh giá thể lực cho nhóm sinh viên 2 khối ngành. Đề tài sử dụng 5 test đánh giá gồm:

1. Chạy 30m (s);
2. Bật xa tại chỗ (cm);
3. Nằm ngửa gập bụng 30s (lần);
4. Chạy 5 phút tùy sức (m);
5. Chạy con thoi 4x10m (s).

Để khách thể nghiên cứu đảm bảo tính đại chúng, chúng tôi tiến hành thống kê tổng số lớp học giáo dục thể chất 1, sau đó rà soát lựa chọn các lớp có số lượng nam sinh viên khối ngành sư phạm và khối ngành kỹ thuật tham gia học tập nhiều nhất để kiểm tra. Việc thống kê kiểm tra được trình bày qua bảng 3.

Sau khi thống kê số lượng khách thể, chúng tôi tiến hành kiểm tra thực trạng thể lực chung của 2 nhóm khách thể nghiên cứu.

Bảng 3. Thống kê số liệu kiểm tra của khách thể nghiên cứu

TT	Tên lớp	Tổng số lớp học	Số lớp kiểm tra	Số sinh viên kiểm tra	
				Sư phạm	Kỹ thuật
1	Bóng đá	8	4	15	11
2	Bóng chuyền	30	10	26	29
3	Cầu lông	26	10	27	18
4	Võ thuật	6	3	5	9
5	Bóng rổ	1	1	0	9
Tổng cộng		71	28	73	76

Từ kết quả kiểm tra ở bảng 4, chúng tôi tiến hành đối chiếu số liệu với bảng tiêu chuẩn của Quyết định 53/2008/QĐ-BGDDT, ngày 18/9/2008 Bộ GD&ĐT, chúng tôi thấy rằng ở cả 2 nhóm khách thể đều có kết quả “Đạt” theo tiêu chuẩn, riêng test chạy 5 phút tùy sức để đánh giá sức bền là không đạt theo tiêu chuẩn.

So sánh kết quả giữa 2 nhóm khách thể, bằng các thuật toán đo lường thống kê, chúng tôi thấy rằng thể lực chung của nam sinh viên khối ngành kỹ thuật tốt hơn nam sinh viên khối ngành sư phạm. Thể hiện ở 4 test kiểm tra, chỉ số $t_{tính}$ luôn lớn hơn $t_{bảng}$ ở ngưỡng xác suất từ 0.05 đến 0.001. Riêng test chạy 30m kiểm tra sức nhanh giữa 2 nhóm sự khác biệt không đáng kể.

Bảng 5. Sự phát triển thể lực của nam sinh viên khóa 43 khối ngành sư phạm sau một kỳ học

STT	Test	Đầu học kỳ			Cuối học kỳ			W%	$t_{tính}$	$t_{bảng}$	p
		$\bar{x}$	σ	c_v	$\bar{x}$	σ	c_v				
1	Chạy 30m (s)	5.26	0.45	8.55	5.10	0.36	7.08	2.96	2.273	1.960	0.05
2	Bật xa tại chỗ (cm)	215	13	6.03	220	11	4.87	2.10	2.322	1.960	0.05
3	Nằm ngửa gập bụng 30s (lần)	20.5	1.97	9.62	21.3	2.04	9.60	3.74	2.348	2.326	0.02
4	Chạy 5 phút tùy sức (m)	905.3	80.1	8.85	932.9	75.1	8.05	3.00	2.148	1.960	0.05
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	11.27	0.69	6.17	11.00	0.60	5.49	2.42	2.501	2.326	0.02

Với kết quả kiểm tra được, chúng tôi so sánh với bảng tiêu chuẩn của Quyết định 53/2008/QĐ-BGDDT, ngày 18/9/2008 Bộ GD&ĐT, chúng tôi thấy rằng đa số các test đánh giá thể lực đều “Đạt” theo tiêu chuẩn, riêng test chạy 5 phút tùy sức để đánh giá sức bền là không đạt theo tiêu chuẩn.

So sánh kết quả đầu và cuối học kỳ, chúng tôi thấy rằng thể lực chung của nam sinh viên khối ngành sư phạm sau một kỳ học có sự phát triển vượt bậc. Thể hiện ở cả 5 test kiểm tra, chỉ

3.3. Sự phát triển thể lực chung của nam sinh viên khóa 43 khối ngành sư phạm và khối ngành kỹ thuật sau một kỳ học.

Sau một kỳ học, chúng tôi tiếp tục kiểm tra thể lực 2 nhóm khách thể nghiên cứu bằng các test đã được lựa chọn ban đầu. Kết quả cụ thể:

3.3.1. Sự phát triển thể lực của nam sinh viên khóa 43 khối ngành sư phạm sau một kỳ học

Chúng tôi kiểm tra nhóm sinh viên khối ngành sư phạm thông qua 5 test kiểm tra, xử lý số liệu bằng các công thức toán đo lường thống kê để so sánh với kết quả ban đầu và tính nhịp tăng trưởng.

số $t_{tính}$ luôn lớn hơn $t_{bảng}$ ở ngưỡng xác suất từ 0.05 đến 0.02.

3.3.2. Sự phát triển thể lực của nam sinh viên khóa 43 khối ngành kỹ thuật sau một kỳ học

Cuối học kỳ 1 năm học 2020-2021, chúng tôi tiến hành kiểm tra nhóm khách thể nghiên cứu khối ngành kỹ thuật, chúng tôi sử dụng phương pháp toán đo lường thống kê để so sánh với kết quả ban đầu và tính nhịp tăng trưởng. Kết quả được trình bày ở bảng 6.

Bảng 6. Sự phát triển thể lực chung của nam sinh viên khóa 43 khối ngành kỹ thuật sau một kỳ học

STT	Test	Đầu học kỳ			Cuối học kỳ			W%	$t_{tính}$	$t_{bảng}$	p
		$\bar{x}$	σ	c_v	$\bar{x}$	σ	c_v				
1	Chạy 30m (s)	5.19	0.48	9.31	4.98	0.35	7.09	4.08	3.018	2.576	0.01
2	Bật xa tại chỗ (cm)	220	11	5.17	225	18	7.91	2.14	1.968	1.960	0.05
3	Nằm ngửa gập bụng 30s (lần)	21.68	2.11	9.73	22.5	2.18	9.72	3.63	2.303	1.960	0.05
4	Chạy 5 phút tùy sức (m)	937.1	73.2	7.81	960	74.4	7.75	2.41	2.515	2.326	0.02
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	11.03	0.80	7.29	10.74	0.74	6.89	2.59	2.254	1.960	0.05

Từ kết quả kiểm tra cuối học kỳ của nam sinh viên khối ngành kỹ thuật, chúng tôi so sánh với bảng tiêu chuẩn của Quyết định 53/2008/QĐ-BGDDT, ngày 18/9/2008 Bộ GD&ĐT, chúng tôi thấy rằng cả 5 test đánh giá thể lực đều “Đạt” theo tiêu chuẩn.

So sánh kết quả đầu và cuối học kỳ, chúng tôi thấy rằng thể lực chung của nam sinh viên khối ngành kỹ thuật sau một kỳ học có sự phát triển vượt bậc. Thể hiện ở 5 test kiểm tra, chỉ số

Bảng 7. So sánh trình độ thể lực chung của nam sinh viên khóa 43 khối ngành sư phạm và khối ngành kỹ thuật sau một kỳ học

TT	Test	Sư phạm			Kỹ thuật			$d = (\bar{x}_{kt} + \bar{x}_{sp})$	t_{tinh}	t_{bang}	p
		$\bar{x}$	σ	c_v	$\bar{x}$	σ	c_v				
1	Chạy 30m (s)	5.10	0.36	7.08	4.98	0.35	7.09	- 0.12	2.056	1.960	0.05
2	Bật xa tại chỗ (cm)	220	11	4.87	225	18	7.91	5	2.113	1.960	0.05
3	Nằm ngửa gập bụng 30s (lần)	21.3	2.04	9.60	22.5	2.18	9.72	1.2	3.461	3.291	0.001
4	Chạy 5 phút tùy sức (m)	932.9	75.1	8.05	960	74.4	7.75	33.5	2.803	2.576	0.01
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	11.00	0.60	5.49	10.74	0.74	6.89	0.26	2.330	2.326	0.02

Từ kết quả so sánh, chúng tôi thấy rằng thể lực chung của nam sinh viên khóa 43 khối ngành kỹ thuật tốt hơn khối ngành sư phạm, thể hiện ở cả 5 test kiểm tra thể lực, cụ thể:

Chạy 30m: đánh giá tổ chất sức nhanh của nam sinh viên khóa 43 khối ngành kỹ thuật tốt hơn khối ngành sư phạm và có sự khác biệt rõ rệt.

Bật xa tại chỗ: đánh giá tổ chất sức mạnh của nam sinh viên khối ngành kỹ thuật tốt hơn khối ngành sư phạm và có sự khác biệt rõ rệt.

Test nằm ngửa gập bụng: đánh giá tổ chất sức mạnh bền của nam sinh viên khối ngành kỹ thuật tốt hơn khối ngành sư phạm và có sự khác biệt rõ rệt.

Test chạy 5 phút tùy sức: đánh giá tổ chất sức bền của nam sinh viên khối ngành kỹ thuật tốt hơn khối ngành sư phạm và có sự khác biệt rõ rệt.

Test chạy con thoi 4x10m: đánh giá tổ chất khéo léo của nam sinh viên khối ngành kỹ thuật tốt hơn khối ngành sư phạm và có sự khác biệt rõ rệt.

t_{tinh} luôn lớn hơn t_{bang} ở ngưỡng xác suất từ 0.05 đến 0.01.

3.3.3. So sánh trình độ thể lực chung của nam sinh viên khóa 43 khối ngành sư phạm và khối ngành kỹ thuật sau một kỳ học

Chúng tôi sử dụng các công thức toán đo lường thống kê để so sánh kết quả kiểm tra cuối học kỳ của 2 nhóm khách thể nghiên cứu. Kết quả được trình bày ở bảng 7.

4. KẾT LUẬN

Chương trình môn học, lượng sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ môn học GDTC cho sinh viên khối không chuyên tại Trường Đại học Quy Nhơn là đầy đủ, Tuy nhiên chưa khai thác tối đa các sân bãi tập luyện do phân bố khung thời gian học tập chưa hợp lý.

Sau một kỳ học, nam sinh viên khóa 43 khối ngành sư phạm và khối ngành kỹ thuật đều có sự phát triển vượt bậc về trình độ thể lực chung. Chứng tỏ nội dung môn học GDTC cho sinh viên khối không chuyên Trường Đại học Quy Nhơn là phù hợp.

Đa số các tổ chất thể lực chung của nam sinh viên khóa 43 khối ngành sư phạm và khối ngành kỹ thuật đều “Đạt” với bảng tiêu chuẩn của Quyết định 53/2008/QĐ-BGDDT, ngày 18/9/2008 Bộ GD&ĐT. Riêng tổ chất sức bền (test chạy 5 phút tùy sức) của nam sinh viên khối ngành sư phạm là chưa đạt theo tiêu chuẩn.

Trình độ thể lực chung của nam sinh viên khóa 43 khối ngành kỹ thuật tốt hơn khối ngành sư phạm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sứ mệnh, tầm nhìn Trường Đại học Quy Nhơn.<<http://qnu.edu.vn/vi/gioi-thieu-9/su-menh-tam-nhin>>, truy cập ngày 25/3/2021.
2. Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Phạm Ngọc Viễn, Lưu Quang Hiệp. *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội, 2010.
3. Nguyễn Đức Văn. *Phương pháp thống kê trong TDTT*, Nxb TDTT, 2014.
4. Lịch sử hình thành khoa GDTC-QP, Trường Đại học Quy Nhơn <<http://kgdtpq.qnu.edu.vn/vi/van-ban-1081/gioi-thieu-ve-lich-su-hinh-thanh-va-phat-trien-cua-khoa-giao-duc-the-chat-quoc-phong-4020>>, truy cập ngày 25/3/2021.
5. Chương trình đào tạo môn giáo dục thể chất 1,2,3 Khóa 43 Trường Đại học Quy Nhơn <<https://qnu.edu.vn/vi/cong-khai/cong-khai-ctdt-cua-cac-nganh>>, truy cập ngày 25/3/2021.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 về việc ban hành Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.